TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 329/2023/DS - PT
Ngày: 15/12/2023
V/v: "Yêu cầu chia di sản thừa kế"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- T2 phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Cường**

Các Thẩm phán: Ông **Trương Công Thi**

Ông **Lê Tự**

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông **Trần Xuân Lộc** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 227/2023/TLPT- DS ngày 02 tháng 11 năm 2023 về việc "*Yêu cầu chia di sản thừa kế*". Do Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2023/DS-ST ngày 03/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 385/2023/QĐ-PT ngày 27 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** ông Trần Kim H, địa chỉ: thôn K, xã T, huyện C, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông Bùi Quang S; địa chỉ: số B B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

- ***Bị đơn:*** bà Hoàng Thị T (tên gọi khác: Hoàng Thị T1); địa chỉ: thôn K, xã T, huyện C, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: ông Lê Văn B; địa chi: thôn K, xã T, huyện C, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Quảng Trị; địa chỉ: khu phố B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn T2 C - Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Ông Trần Kim T2; địa chỉ: thôn K, xã T, huyện C, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

3. Ông Trần Kim T3; địa chỉ: thôn K, xã T, huyện C, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

4. Ông Võ Quốc T4; địa chỉ: thôn K, xã T, huyện C, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

5. Bà Võ Thị Tuyết T5; địa chỉ: khu phố F, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

6. Ông Võ Quốc T6; địa chỉ: thôn K, xã T, huyện C, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

7. Bà Trần Thị Kim Q; địa chỉ: khu phố A, phường A, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

8. Bà Trần Thị Kim H1; địa chỉ: thôn K, xã T, huyện C, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

9. Ông Trần Hoàng H2; địa chỉ: thôn K, xã T, huyện C, tỉnh Quang Trị, vắng mặt.

10. Ông Trần Hoàng H3; địa chỉ: thôn K, xã T, huyện C, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

11. Ông Nguyễn Văn T7; địa chỉ: thôn K, xã T, huyện C, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trần Kim H trình bày:

Nguồn gốc thửa đất thửa đất số 414, tờ bản đồ số 23 có tổng diện tích 4.263m^2 do ông bà nội để lại cho bố mẹ ông Trần Kim H sử dụng. Trong thời kỳ hôn nhân và quá trình sinh sống với nhau từ năm 1954 đến năm 1967, ông Trần Kim S và bà Trần Thị T có 05 người con. Các anh chị em sinh ra và lớn lên trên ngôi nhà gắn liền với thửa đất này. Sau khi ông Trần Kim S chết (1967), bà Trần Thị T cho vợ chồng ông Trần Kim T2 và bà Bùi Thị L một phần thửa đất sát nhà bố mẹ để làm nhà ở riêng, còn 4 anh chị em vẫn chung sống trên thửa đất này. Vào khoảng năm 1989, ông Trần Kim T2 tháo ngôi nhà của mẹ là bà Trần Thị T để làm lại nhà mới sát với nhà cũ cho bà T và anh Trần Kim N ở, còn lại 3 anh chị em ông H lập gia đình và ra ở riêng.

Hiện nay, trên thửa đất vẫn còn hiện hữu dấu tích của nền nhà cũ, 01 giếng do anh em ông H đào và xây kiên cố cho cả gia đình sử dụng chung từ năm 1987, một lũy tre chắn gió phía Bắc do bố mẹ ông H trồng, nay còn lại khoảng 18-20m giáp ranh với đất của ông Lê Hữu Đông và một bụi tre còn lại phía Đông thửa đất.

Mặc dù bà T cho ông Trần Kim T2 ra ở riêng nhưng hai nhà vẫn sát nhau cùng chung một thửa đất. Sau khi bà T qua đời năm 1995, ông Trần Kim T2 là con trai trưởng đứng tên kê khai vào sổ mục kê năm 1997 tại UBND xã nhưng không kê khai hết diện tích đất mà bố mẹ ông H để lại mà chỉ kê khai diện tích 3.282m^2 tại thửa đất số 414, tờ bản đồ số 23. Đến năm 2004, UBND huyện C đã cấp giấy CNQSD đất số Đ 643994 có diện tích 1.586m^2 mang tên ông Trần Kim T2 và bà Bùi Thị L được tách ra từ thửa đất số 414, tờ bản đồ số 23.

Như vậy, từ năm 1954 đến năm 1995 bố mẹ ông H (ông S, bà T) được thừa hưởng đất của ông cha để lại và đã sử dụng ổn định, liên tục, công khai đúng mục đích không có tranh chấp.

Việc UBND huyện C cấp giấy CNQSD đất cho ông T2 với diện tích 1.586m^2 ông H và các anh em đồng ý không yêu cầu Toà án chia di sản thừa kế thửa đất này do bố mẹ đã tặng cho ông T2 mà chỉ yêu cầu chia diện tích còn lại 2.677m^2 thuộc thửa đất số 555, tờ bản đồ số 43 đã được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông N, bà T vì đây là di sản của bố mẹ ông H (ông S, bà T) để lại.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với thửa đất 555, tờ bản đồ số 43, diện tích 2.677m^2 tại thôn K, xã T, huyện C, tỉnh Quảng Trị.

- Hủy giấy CNQSD đất số CL 105849 do UBND huyện C cấp ngày 31/8/2018 mang tên ông Trần Kim N và bà Hoàng Thị T.

Sau khi Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Bùi Quang Sinh bổ sung yêu cầu khởi kiện buộc gia đình anh Nguyễn Văn T tháo dỡ toàn bộ công trình trên diện tích đất lấn chiếm, trả lại mặt bằng để được giải quyết trong vụ án.

Tại văn bản trình bày ý kiến đề ngày 14/7/2023, bị đơn bà Hoàng Thị T (Hoàng Thị T1) trình bày:

Bà Hoàng Thị T (Hoàng Thị T1) là vợ của ông Trần Kim N (đã chết) đã sử dụng ổn định, lâu dài trên thửa đất số 414, tờ bản đồ số 23, tọa lạc tại thôn K, xã T, huyện C, tỉnh Quảng Trị. Năm 2018, ông N, bà T được UBND huyện C cấp giấy CNQSD đất số CL 105849.

Tại sổ mục kê của UBND xã T, huyện C hoàn toàn không ghi nhận việc tôn tạo, xây dựng hoặc sử dụng của bà Trần Thị T (người mà nguyên đơn cho rằng là người để lại di sản thừa kế). Tại thời điểm cấp giấy CNQSD đất trên thửa đất chỉ tồn tại 01 ngôi nhà cấp 4 khoảng 100m^2 do vợ chồng bà T xây dựng, hoàn toàn không có tài sản trên đất là của bà Trần Thị T. Trước và sau khi cấp giấy CNQSD đất thì việc thực hiện nghĩa vụ tài chính như các loại thuế chỉ có vợ chồng bà T nộp. Bà T không có văn bản của UBND cấp có thẩm quyền xác nhận việc sử dụng đất đó là hợp pháp. Tại thời điểm mở di sản thừa kế bà T không có bất kì loại giấy tờ nào về quyền sử dụng đất.

Thửa đất này vợ chồng bà T được cấp giấy CNQSD đất không phải là tài sản của bà Trần Thị T, do đó việc nguyên đơn yêu cầu chia di sản thừa kế đối với thửa đất này của vợ chồng bà T là không có căn cứ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Kim T2 trình bày:

Nguồn gốc thửa đất trên là của cố ông nội tên là Trần Kim N, ông N sinh được 02 người con trai là ông Trần Kim L và Trần Kim L. Ông Trần Kim L sinh ra 06 người con trong đó có ông Trần Kim S (ba của ông T2) là cháu nội của ông N. Ông Trần Kim S hiện nay đã chết, gồm có 05 người con: Trần Kim T2, Trần Kim T3, Trần Kim N, Trần Kim H, Trần Thị A. Trong diện tích 2.677m^2 thì ông Trần Kim N có khai hoang diện tích khoảng 300m^2 (năm 1990) nên còn lại diện tích 2.377m^2 được chia đều cho những người trong hàng thừa kế thứ nhất. Tuy nhiên, sau khi xảy ra tranh chấp di sản thừa kế thì ông T2 đã rút ý kiến chia di sản và muốn để lại toàn bộ diện tích đất cho vợ con ông N được quyền sử dụng.

Tại phiên toà, ông T2 cho rằng: Nếu chia từng phần thửa đất là di sản thừa kế theo pháp luật thì không có đường đi chung, nên cấp có thẩm quyền không thể cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trường hợp chia được thì ông T2 vẫn nhận phần di sản mà mình được hưởng, không tặng cho bất kỳ người nào trong hàng thừa kế.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Kim T3 trình bày: Đồng ý với ý kiến trình bày của nguyên đơn ông Trần Kim H, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Hoàng H trình bày: Đồng ý với ý kiến trình bày của bà Hoàng Thị T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn T trình bày: Năm 2018, ông Trần Kim N, bà Hoàng Thị T có bán cho gia đình ông T thửa đất tiếp giáp phía sau nhà, chiều dài 10m x chiều rộng 10m nhưng chưa làm thủ tục để cấp giấy CNQSD đất, phần diện tích đất này đang có tranh chấp về thừa kế giữa anh em của ông T2. Do đó, đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND huyện C, ông Võ Quốc T4, ông Võ Quốc T6, bà Trần Thị Kim Q, ông Trần Thị Kim H, ông Trần Hoàng H: Không có văn bản trình bày ý kiến.

Theo Kết quả định giá của Hội đồng định giá kết luận: Diện tích đất ở nông thôn mặt tiền Quốc lộ 9 tại thôn K, xã T, huyện C, tỉnh Quảng Trị có vị trí 1, khu vực 2 có giá 1.200.000 đồng/m^2; vị trí 2, khu vực 2 có giá 420.000 đồng/m^2; vị trí 3, khu vực 2 có giá 150.000 đồng/m^2; vị trí 4, khu vực 2 có giá 80.000 đồng/m^2. Diện tích đất trồng cây hàng năm khác tại thôn K, xã T, huyện C, tỉnh Quảng Trị tiếp giáp Quốc lộ 9 thuộc vị trí 1, xã đồng bằng có giá 24.530 đồng/m^2.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2023/DS-ST ngày 03/8/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị quyết định:

Căn cứ khoản 4 Điều 26, khoản 4 Điều 34, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 184, Điều 227, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 254, Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 614, Điều 618, khoản 1 Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 660 Bộ luật dân sự 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Kim H:

- Giao cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Trần Thị Kim A gồm ông Võ Quốc T4, bà Võ Thị Tuyết T5, ông Võ Quốc T6 hưởng di sản thừa kế mà bà A được hưởng là quyền sử dụng đất thửa số 555/1 có diện tích 334,2m^2, trong đó: đất ở nông thôn diện tích 80m^2 và đất trồng cây hàng năm diện tích 254,2m^2 có vị trí: phía Tây Bắc có cạnh chiều dài 23.13m tiếp giáp thửa đất 998; phía Tây Nam có cạnh chiều dài 15.44m tiếp giáp thửa đất 921, 922; phía Đông Nam có cạnh chiều dài 23.13m tiếp giáp thửa đất số 555/2; phía Đông Bắc tiếp giáp mương thủy lợi do UBND xã quản lý.

- Giao cho ông Trần Kim T2 hưởng di sản thừa kế quyền sử dụng đất thửa số 555/2 có diện tích 339,6m^2, trong đó: đất ở nông thôn diện tích 80m^2 và đất trồng cây hàng năm diện tích 259,6m^2 có vị trí: phía Tây Nam có cạnh chiều dài 13.61m tiếp giáp thửa đất 948, 949, 808; phía Đông Nam có cạnh chiều dài 29.86m tiếp giáp thửa đất số 555/3; phía Đông Bắc tiếp giáp mương thủy lợi do UBND xã quản lý.

- Giao cho ông Trần Kim H hưởng di sản thừa kế quyền sử dụng đất thửa số 555/3 có diện tích 343,1m^2, trong đó: đất ở nông thôn diện tích 80m^2 và đất trồng cây hàng năm diện tích 263,1m^2 có vị trí: phía Tây Nam có cạnh chiều dài 12.34m

tiếp giáp thửa đất 526, 808; phía Đông Nam có cạnh chiều dài 31.83m tiếp giáp thửa đất số 555/4; phía Đông Bắc tiếp giáp mương thủy lợi do UBND xã quản lý.

- Giao cho ông Trần Kim T3 hưởng di sản thừa kế quyền sử dụng đất thửa số 555/4 có diện tích 345m^2, trong đó: đất ở nông thôn diện tích 80m^2 và đất trồng cây hàng năm diện tích 265m^2 có vị trí: phía Tây Nam có cạnh chiều dài 11.67m tiếp giáp thửa đất 526; phía Đông Nam có cạnh chiều dài 33.49m tiếp giáp thửa đất số 555/5; phía Đông Bắc tiếp giáp mương thủy lợi do UBND xã quản lý.

- Giao cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Trần Kim N gồm bà Hoàng Thị T (Hoàng Thị T1) và bà Trần Thị Kim Q, bà Trần Thị Kim H, ông Trần Hoàng H, ông Trần Hoàng H hưởng di sản thừa kế mà ông N được hưởng là quyền sử dụng đất thửa số 555/5 có diện tích 1.022,3m^2, trong đó: đất ở nông thôn diện tích 80m^2 và đất trồng cây hàng năm diện tích 942,3m^2 có vị trí: phía Tây Nam có cạnh chiều dài (21.76m + 28.32m) tiếp giáp thửa đất 559, 573; phía Đông Nam tiếp giáp đường Quốc lộ 9; phía Đông Bắc tiếp giáp mương thủy lợi do UBND xã quản lý.

(Có sơ đồ kèm theo)

- Hủy giấy CNQSD đất số CL 105849 do UBND huyện C cấp ngày 31/8/2018 cho ông Trần Kim N, bà Hoàng Thị T.

2. Giao quyền sử dụng sử dụng đất diện tích 292,8m^2 có vị trí liền kề ranh giới của hành lang mương thuỷ lợi do UBND xã T quản lý theo chiều dọc ở phía Đông Bắc của thửa đất có chiều rộng 03m kéo dài từ Quốc lộ 9D hết các phần đất được chia theo hướng Nam – Bắc *(thửa mở lối đi chung)* làm lối đi chung của các đồng thừa kế cho ông Trần Kim T2, ông Trần Kim T3, ông Trần Kim H, những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Trần Kim N gồm bà Hoàng Thị T (Hoàng Thị T1) và bà Trần Thị Kim Q, bà Trần Thị Kim H, ông Trần Hoàng H, ông Trần Hoàng H; những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Trần Thị Kim A gồm: ông Võ Quốc T4, bà Võ Thị Tuyết T5, ông Võ Quốc T6 quản lý và sử dụng chung.

3. Buộc ông Nguyễn Văn T phải tháo dỡ tài sản và trả lại diện tích đất 95m^2 (trên thửa đất 555/4) cho ông Trần Kim T3.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí thẩm định, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 16/8/2023, Toà án nhân dân tỉnh Quảng Trị nhận đơn kháng cáo của bị đơn bà Hoàng Thị T (Hoàng Thị T1), kháng cáo yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm: Huỷ Bản án sơ thẩm hoặc sửa Bản án sơ thẩm theo hướng: công nhận quyền sở hữu hợp pháp của bà T đối với phần diện tích 1638,5m^2; chia di sản

thừa kế trên phần di sản thừa kế để lại của bà Trần Thị T; yêu cầu xem xét lại lối di chung giữa các thửa đất (không có tài liệu chứng cứ gì kèm theo đơn kháng cáo).

Tại phiên toà, nguyên đơn và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Bị đơn và người đại diện theo uỷ quyền đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cao tại Đà Nẵng khẳng định rằng, về tố tụng: Thẩm phán chủ toạ phiên toà và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong giai đoạn xét xử phúc thẩm; về nội dung: Toà án cấp sơ thẩm đã xét xử vụ án có căn cứ và đúng pháp luật, kháng cáo của bị đơn không có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, kết quả tranh tụng và xem xét quan điểm của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện. Bị đơn có kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm huỷ Bản án sơ thẩm hoặc sửa Bản án sơ thẩm theo hướng công nhận quyền sở hữu hợp pháp của bà T đối với diện tích đất 1638,5m^2; yêu cầu chia di sản thừa kế trên phần di sản thừa kế để lại của bà Trần Thị T; xem xét lại lối đi chung giữa các thửa đất. Tại phiên toà phúc thẩm các bên đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn Hoàng Thị T về huỷ Bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng, quá trình giải quyết vụ án Toà án cấp sơ thẩm đã tiến hành đầy đủ các thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong giai đoạn thụ lý, xét xử sơ thẩm; đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chổ tài sản tranh chấp đúng quy định. Bị đơn kháng cáo đề nghị huỷ Bản án sơ thẩm, với lý do cho rằng, ông Trần Kim S chết năm 1967 đã hết thời hiệu chia thừa kế nhưng Toà án cấp sơ thẩm vẫn chia thừa kế đối với di sản của ông S là không đúng. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng, ông Trần Kim S chết năm 1967, căn cứ Pháp lệnh thừa kế năm 1990, Nghị quyết số 02/HĐTP-TANDTC ngày 19/10/1990 thì thời hiệu chia di sản thừa kế của ông S đã hết. Tuy nhiên từ khi thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên toà sơ thẩm, các đương sự, trong đó có bị đơn, không có ai yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện vụ án và tại phiên toà phúc thẩm

hôm nay bị đơn thừa nhận trong giai đoạn sơ thẩm không có yêu cầu này và nay mới yêu cầu trong giai đoạn phúc thẩm. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm căn cứ vào khoản 2 Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự xác định di sản của ông S bà T để lại được chia đều cho các đồng thừa kế là có căn cứ và đúng pháp luật. Ngoài ra, bị đơn yêu cầu huỷ Bản án sơ thẩm nhưng không nêu ra được các vi phạm tố tụng nghiêm trọng làm ảnh hướng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự nên không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo này.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn về sửa Bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng

[2.1] Về nguồn gốc thửa đất:

Theo tờ bản đồ địa chính số 23 lập ngày 21/8/1997 của UBND xã Cam An thể hiện: Thửa đất số 414 diện tích 3.282m^2, thửa đất số 458 diện tích 522m^2, thửa đất 457 diện tích 272m^2, thể hiện đất T do ông Trần Kim T2 đứng tên trong sổ mục kê, trong đó có 200m^2 đất ở (thuộc thửa 414) và phần còn lại là đất vườn.

Sau đó, ông Trần Kim T2 đăng ký cấp giấy CNQSD đất chỉ kê khai và nhận một phần diện tích thửa đất 414, một phần diện tích thửa đất 457 dọc theo đường thôn với diện tích 1.586m^2 và được cấp Giấy CNQSD đất. Phần còn lại giao cho ông Trần Kim N và bà Hoàng Thị T sử dụng. Ngày 04/7/2014, ông Trần Kim N có đơn đề nghị cấp giấy CNQSD đất đối với diện tích 2.678m^2 thuộc thửa đất số 555, tờ bản đồ số 46. Tại đơn đề nghị cấp giấy CNQSD đất của ông N có ghi thời điểm sử dụng đất từ năm 1975, nguồn gốc đất do bố mẹ để lại.

Ngày 31/8/2018, ông N, bà T được UBND huyện C cấp Giấy CNQSD đất số CL 105849 đối với thửa đất 555, tờ bản đồ số 46, diện tích 2.677m^2, địa chỉ thửa đất: thôn K 2, xã T, huyện C, tỉnh Quảng Trị.

Theo kết quả xác minh tại UBND xã T về nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp, thì trong đơn đề nghị cấp giấy CNQSD đất của ông Trần Kim N, bà Hoàng Thị T và phiếu lấy ý kiến ở khu dân cư thì đều xác định nguồn gốc sử dụng đất do bố mẹ đẻ (ông Trần Kim S, bà Trần Thị T) để lại, thời điểm sử dụng đất năm 1975. Như vậy, các tài liệu chứng cứ hoàn toàn phù hợp với nội dung khởi kiện của nguyên đơn trong vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Trần Kim T2 cho rằng thửa đất này do ông bà nội của ông để lại, sau đó anh em ruột của bố ông (04) người đã ở trên thửa đất này nhưng ông T2 cũng thừa nhận thửa đất có nguồn gốc do bố mẹ của ông để lại và ông cũng ký xác nhận nguồn gốc đất trong các giấy tờ kê khai khi ông N làm thủ tục xin cấp đất. Tại phiên tòa, ông Trần Kim H, Trần Kim T3 xác định nguồn gốc thửa đất do bố mẹ để lại, là di sản thừa kế nên có yêu cầu phân chia theo phần; bà Hoàng Thị T trình bày về việc sau khi lấy ông Trần Kim N thì bà về sống cùng với chồng và mẹ chồng (bà T) trên thửa đất 414 này và có

khai hoang mở rộng diện tích đất hơn 500m^2 phía gần mặt đường Quốc lộ 9D hiện nay. Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 21/3/2023 thì trên đất còn có 15 cây tre và 01 giếng nước cũ. Như vậy, lời khai của các đương sự là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ để xác định nguồn gốc thửa đất trên là di sản ông S, bà T là bố mẹ của nguyên đơn để lại chưa được chia.

Tại văn bản xác minh ngày 23/5/2023, UBND xã T, huyện C xác nhận: Trước đây ông Trần Kim N, bà Hoàng Thị T khai hoang và xây dựng nhà ở trên thửa số 456 và thửa số 486 (tờ bản đồ địa chính lập năm 1997) với tổng diện tích 600m^2, đất Hg (hoang hóa). Do đó, diện tích 600m^2 thuộc quyền sử dụng riêng của vợ chồng ông N, bà T và diện tích đất này không nằm trong diện tích thửa đất là di sản thừa kế.

Như vậy, trong tổng diện tích 2.677m^2 đất được cấp cho ông N, bà T có nguồn gốc do bố mẹ để lại thì có diện tích 600m^2 do vợ chồng ông N, bà T khai hoang. Việc xác định diện tích khai hoang 600m^2 là phù hợp với lời khai của đương sự và phù hợp với tờ bản đồ địa chính lập năm 1997 nên HĐXX xác định thửa đất là di sản thừa kế có diện tích 2.077m2.

[2.2] Căn cứ Điều 233 BLDS năm 1995, Điều 213 BLDS năm 2015 quy định thì quyền sử dụng đất diện tích 2.077m^2, thửa số 555, tờ bản đồ số 46 là tài sản chung của vợ chồng ông Trần Kim S và bà Trần Thị T. Sau khi ông S, bà T chết không để lại di chúc, là di sản thừa kế nên được chia theo pháp luật, theo phần khi có yêu cầu của người được hưởng thừa kế.

[2.3] Về hàng thừa kế được hưởng di sản của ông S, bà T:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 651 BLDS quy định thì hàng thừa kế thứ nhất của ông S, bà T gồm: Ông Trần Kim T2; ông Trần Kim T3; ông Trần Kim N; bà Trần Thị Kim A; ông Trần Kim H.

Nhưng ông Trần Kim N đã chết 2019 nên bà Hoàng Thị T (tên gọi khác Hoàng Thị T1) là vợ của ông N và các con của ông N, bà T gồm: bà Trần Thị Kim Q, bà Trần Thị Kim H, ông Trần Hoàng H, ông Trần Hoàng H (hàng thừa kế thứ nhất của ông N) được hưởng phần di sản thừa kế của ông N. Bà Trần Thị Kim A chết 2005 nên các con của bà A gồm ông Võ Quốc T4, bà Võ Thị Tuyết T5, ông Võ Quốc T6 (hàng thừa kế thứ nhất của bà A) được hưởng phần di sản thừa kế của bà A theo quy định của pháp luật.

[2.4] Xem xét công sức quản lý, tôn tạo di sản của ông S, bà T để lại: Do vợ chồng ông N, bà T có công sức quản lý, tôn tạo di sản của ông S, bà T nên căn cứ Điều 618 BLDS, Hội đồng xét xử quyết định trích một phần diện tích đất là 177m^2 trong tổng diện tích đất 2.077 m^2 cho ông N, bà T sử dụng trước khi chia thừa kế theo phần.

[2.5] Di sản thừa kế của ông S, bà T là quyền sử dụng diện tích đất 1.900m^2 trong tổng diện tích 2.677m^2 (sau khi trừ 600m^2 diện tích đất do ông N và T khai hoang và công sức quản lý, tôn tạo di sản tương đương diện tích 177m^2) tại thửa đất số 555, tờ bản đồ số 43 tại thôn K, xã T, huyện C, tỉnh Quảng Trị là tài sản chung của vợ chồng ông S, bà T và là di sản của ông S, bà T chết không để lại di chúc. Căn cứ Điều 649, Điều 650 BLDS quy định chia di sản thừa kế của ông S, bà T theo quy định của pháp luật.

[2.6] Phân chia di sản thừa kế: Sau khi xác định đúng di sản thừa kế, hàng thừa kế, Toà án cấp sơ thẩm tiến hành phân chia di sản thừa kế như Bản án sơ thẩm là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Về nội dung kháng cáo yêu cầu xem xét lối đi chung, thấy rằng: Do các phần đất được chia không có lối đi chung và tại phiên tòa các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau việc trích một phần diện tích để làm lối đi chung nên Toà án cấp sơ thẩm quyết định trích trong phần hưởng di sản của mỗi người một phần diện tích để tạo thành lối đi chung của các đồng thừa kế trên với tổng diện tích 292,8m^2 theo quy định tại Điều 254 BLDS, cụ thể như sau: Bà Trần Thị Kim A diện tích 45,8m^2; ông Trần Kim T2 diện tích 40,4m^2; ông Trần Kim T3 diện tích 36,9m^2; ông Trần Kim H diện tích 35m^2; ông Trần Kim N diện tích 134,7m^2 là đúng quy định, phù hợp cho việc sử dụng đất.

Như vậy, các đồng thừa kế được hưởng di sản còn lại sau khi đã trừ đi diện tích đất làm lối di chung như sau:

- Giao cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Trần Thị Kim A gồm ông Võ Quốc T4, bà Võ Thị Tuyết Trịnh, ông Võ Quốc truyện hưởng di sản thừa kế mà bà A được hưởng là quyền sử dụng đất thửa số 555/1 có diện tích 334,2m^2, trong đó: Đất ở nông thôn diện tích 80m^2 và đất trồng cây hàng năm diện tích 254,2m^2 có vị trí: phía Tây Bắc có cạnh chiều dài 23.13m tiếp giáp thửa đất 998; phía Tây Nam có cạnh chiều dài 15.44m tiếp giáp thửa đất 921, 922; phía Đông Nam có cạnh chiều dài 23.13m tiếp giáp thửa đất số 555/2; phía Đông Bắc tiếp giáp mương thủy lợi do UBND xã quản lý.

- Giao cho ông Trần Kim T2 hưởng di sản thừa kế quyền sử dụng đất thửa số 555/2 có diện tích 339,6m^2, trong đó: đất ở nông thôn diện tích 80m^2 và đất trồng cây hàng năm diện tích 259,6m^2 có vị trí: phía Tây Nam có cạnh chiều dài 13.61m tiếp giáp thửa đất 948, 949, 808; phía Đông Nam có cạnh chiều dài 29.86m tiếp giáp thửa đất số 555/3; phía Đông Bắc tiếp giáp mương thủy lợi do UBND xã quản lý.

- Giao cho ông Trần Kim H hưởng di sản thừa kế quyền sử dụng đất thửa số 555/3 có diện tích 343,1m^2, trong đó: đất ở nông thôn diện tích 80m^2 và đất trồng

cây hàng năm diện tích 263,1m^2 có vị trí: Phía Tây Nam có cạnh chiều dài 12.34m tiếp giáp thửa đất 526, 808; phía Đông Nam có cạnh chiều dài 31.83m tiếp giáp thửa đất số 555/4; phía Đông Bắc tiếp giáp mương thủy lợi do UBND xã quản lý.

- Giao cho ông Trần Kim T3 hưởng di sản thừa kế quyền sử dụng đất thửa số 555/4 có diện tích 345m^2, trong đó: Đất ở nông thôn diện tích 80m^2 và đất trồng cây hàng năm diện tích 265m^2 có vị trí: phía Tây Nam có cạnh chiều dài 11.67m tiếp giáp thửa đất 526; phía Đông Nam có cạnh chiều dài 33.49m tiếp giáp thửa đất số 555/5; phía Đông Bắc tiếp giáp mương thủy lợi do UBND xã Quản lý.

- Giao cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Trần Kim N gồm bà Hoàng Thị T (Hoàng Thị T1) và bà Trần Thị Kim Q, bà Trần Thị Kim H, ông Trần Hoàng H, ông Trần Hoàng H hưởng di sản thừa kế mà ông N được hưởng là quyền sử dụng đất thửa số 555/5 có diện tích 1.022,3m^2, trong đó: đất ở nông thôn diện tích 80m^2 và đất trồng cây hàng năm diện tích 942,3m^2 có vị trí: phía Tây Nam có cạnh chiều dài (21.76m + 28.32m) tiếp giáp thửa đất 559, 573; phía Đông Nam tiếp giáp đường Quốc lộ 9; phía Đông Bắc tiếp giáp mương thủy lợi do UBND xã Quản lý.

Các thửa đất toạ lạc tại thôn K, xã T, huyện C, tỉnh Quảng Trị.

Từ những vấn đề phân tích, lập luận nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng, Toà án cấp sơ thẩm đã xét xử vụ án có căn cứ và đúng pháp luật. Kháng cáo của bị đơn bà Hoàng Thị T không có căn cứ, không có tài liệu chứng cứ mới làm thay đổi bản chất nội dung vụ án, do đó không được chấp nhận. Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Hoàng Thị T (Hoàng Thị T1), giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 4 Điều 26, khoản 4 Điều 34, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 184, Điều 227, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 254, Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 614, Điều 618, khoản 1 Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 660 Bộ luật dân sự 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12,

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Kim H:

- Giao cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Trần Thị Kim A gồm ông Võ Quốc T4, bà Võ Thị Tuyết T5, ông Võ Quốc T6 hưởng di sản thừa kế mà bà A được hưởng là quyền sử dụng đất thửa số 555/1 có diện tích 334,2m^2, trong đó: đất ở nông thôn diện tích 80m^2 và đất trồng cây hàng năm diện tích 254,2m^2 có vị trí: phía Tây Bắc có cạnh chiều dài 23.13m tiếp giáp thửa đất 998; phía Tây Nam có cạnh chiều dài 15.44m tiếp giáp thửa đất 921, 922; phía Đông Nam có cạnh chiều dài 23.13m tiếp giáp thửa đất số 555/2; phía Đông Bắc tiếp giáp mương thủy lợi do UBND xã quản lý.

- Giao cho ông Trần Kim T2 hưởng di sản thừa kế quyền sử dụng đất thửa số 555/2 có diện tích 339,6m^2, trong đó: đất ở nông thôn diện tích 80m^2 và đất trồng cây hàng năm diện tích 259,6m^2 có vị trí: phía Tây Nam có cạnh chiều dài 13.61m tiếp giáp thửa đất 948, 949, 808; phía Đông Nam có cạnh chiều dài 29.86m tiếp giáp thửa đất số 555/3; phía Đông Bắc tiếp giáp mương thủy lợi do UBND xã quản lý.

- Giao cho ông Trần Kim H hưởng di sản thừa kế quyền sử dụng đất thửa số 555/3 có diện tích 343,1m^2, trong đó: đất ở nông thôn diện tích 80m^2 và đất trồng cây hàng năm diện tích 263,1m^2 có vị trí: phía Tây Nam có cạnh chiều dài 12.34m tiếp giáp thửa đất 526, 808; phía Đông Nam có cạnh chiều dài 31.83m tiếp giáp thửa đất số 555/4; phía Đông Bắc tiếp giáp mương thủy lợi do UBND xã quản lý.

- Giao cho ông Trần Kim T3 hưởng di sản thừa kế quyền sử dụng đất thửa số 555/4 có diện tích 345m^2, trong đó: đất ở nông thôn diện tích 80m^2 và đất trồng cây hàng năm diện tích 265m^2 có vị trí: phía Tây Nam có cạnh chiều dài 11.67m tiếp giáp thửa đất 526; phía Đông Nam có cạnh chiều dài 33.49m tiếp giáp thửa đất số 555/5; phía Đông Bắc tiếp giáp mương thủy lợi do UBND xã quản lý.

- Giao cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Trần Kim N gồm bà Hoàng Thị T (Hoàng Thị T1) và bà Trần Thị Kim Q, bà Trần Thị Kim H, ông Trần Hoàng H, ông Trần Hoàng H hưởng di sản thừa kế mà ông N được hưởng là quyền sử dụng đất thửa số 555/5 có diện tích 1.022,3m^2, trong đó: đất ở nông thôn diện tích 80m^2 và đất trồng cây hàng năm diện tích 942,3m^2 có vị trí: Phía Tây Nam có cạnh chiều dài (21.76m + 28.32m) tiếp giáp thửa đất 559, 573; phía Đông Nam tiếp giáp đường Quốc lộ 9; phía Đông Bắc tiếp giáp mương thủy lợi do UBND xã quản lý.

(Có sơ đồ kèm theo của Bản án sơ thẩm- Bút lục 255)

- Hủy giấy CNQSD đất số CL 105849 do UBND huyện C cấp ngày 31/8/2018 cho ông Trần Kim N, bà Hoàng Thị T.

2. Giao quyền sử dụng sử dụng đất diện tích 292,8m^2 có vị trí liền kề ranh giới của hành lang mương thuỷ lợi do UBND xã T quản lý theo chiều dọc ở phía Đông Bắc của thửa đất có chiều rộng 03m kéo dài từ Quốc lộ 9D hết các phần đất được chia theo hướng Nam – Bắc *(thửa mở lối đi chung)* làm lối đi chung của các đồng thừa kế cho ông Trần Kim T2, ông Trần Kim T3, ông Trần Kim H, những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Trần Kim N gồm bà Hoàng Thị T (Hoàng Thị T1) và bà Trần Thị Kim Q, bà Trần Thị Kim H, ông Trần Hoàng H, ông Trần Hoàng H; những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Trần Thị Kim A gồm ông Võ Quốc T4, bà Võ Thị Tuyết T5, ông Võ Quốc T6 quản lý và sử dụng chung.

3. Buộc ông Nguyễn Văn T phải tháo dỡ tài sản và trả lại diện tích đất 95m^2 (trên thửa đất 555/4) cho ông Trần Kim T3.

Về án phí phúc thẩm dân sự: bà Hoàng Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí phúc thẩm dân sự nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0000434 ngày 6 tháng 9 năm 2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị (do ông Trần Hoàng H nộp thay bà Hoàng Thị T).

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Cục THADS tỉnh Quảng Trị;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Cường